Sản phẩm bảo hiểm của Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam

DAI-ICHI LIFE
Gắn bó dài lâu.

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG

SẢN PHẨM BẢO HIỂM

AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

BẢO VỆ TÀI CHÍNH

- **Bảo vệ tài chính** trước rủi ro tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn
- **Ứng trước lên đến 30.000.000 đồng** chu toàn hậu sự khi tử vong.

TÍCH LŨY TÀI CHÍNH

- **Tích lũy hiệu quả** với Lãi suất đảm bảo.
- **Gia tăng tích lũy** với Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy.
- **Nhận Giá trị hợp đồng** khi Đáo hạn hợp đồng.

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN

Trang thông tin sản phẩm (bao gồm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)

Công cụ tính phí - Xây dựng kế hoạch bảo hiểm

Ứng dụng **Dai-ichi Connect** hỗ trợ quản lý hợp đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Hotline: (028) 3810 0888 - Bấm phím 1

Fax: (028) 3997 3000

Website: *https://dai-ichi-life.com.vn*

Email: *customer.services@dai-ichi-life.com.vn*

TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH - ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	**BMBH**	NGUYỄN VĂN A	Nam	30	1
Người được bảo hiểm chính	**NĐBH.1**	NGUYỄN VĂN A	Nam	30	1

THÔNG TIN CHUNG

Lựa chọn thời hạn đóng phí của sản phẩm chính	Sản phẩm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Phí bảo hiểm và Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự tính		
					Năm	Nửa năm	Quý

	Sản phẩm chính						
	NĐBH.1 - NGUYỄN VĂN A						
	Sản phẩm bảo hiểm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện	2.000.000.000	15	15	96.600.000	50.715.000	26.565.000
	Sản phẩm bổ sung/bổ trợ						
☐ **Lựa chọn 1** Thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng	**NĐBH.1** - NGUYỄN VĂN A						
	BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 *(1)*		gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	5.670.000	2.835.000	1.417.500
	- *Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng*				5.670.000		
	BH Hỗ Trợ Viện Phí *(1)*	500.000	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	1.125.000	590.600	309.400
	BH Tai Nạn Cao Cấp	500.000.000	15	15	1.640.000	861.000	451.000
	BH Bệnh Hiểm Nghèo Cao Cấp Toàn Diện	500.000.000	15	15	1.930.000	1.013.300	530.800
	Tổng cộng				**106.965.000**	**56.014.900**	**29.273.700**

	Sản phẩm chính						
	NĐBH.1 - NGUYỄN VĂN A						
	Sản phẩm bảo hiểm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện	2.000.000.000	15	10	129.440.000	67.956.000	35.596.000
	Sản phẩm bổ sung/bổ trợ						
☐ **Lựa chọn 2** Thời hạn đóng phí ngắn hạn (2/3 thời hạn hợp đồng)	**NĐBH.1** - NGUYỄN VĂN A						
	BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 *(1)*		gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	5.670.000	2.835.000	1.417.500
	- *Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng*				5.670.000		
	BH Hỗ Trợ Viện Phí *(1)*	500.000	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	1.125.000	590.600	309.400
	BH Tai Nạn Cao Cấp	500.000.000	15	10	1.940.000	1.018.500	533.500
	BH Bệnh Hiểm Nghèo Cao Cấp Toàn Diện	500.000.000	10	10	1.710.000	897.800	470.300
	Tổng cộng				**139.885.000**	**73.297.900**	**38.326.700**

	Sản phẩm chính						
	NĐBH.1 - NGUYỄN VĂN A						
	Sản phẩm bảo hiểm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện	2.000.000.000	15	5	233.780.000	122.734.500	64.289.500
	Sản phẩm bổ sung/bổ trợ						
☐ **Lựa chọn 3** Thời hạn đóng phí ngắn hạn (1/3 thời hạn hợp đồng)	**NĐBH.1** - NGUYỄN VĂN A						
	BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 *(1)*		gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	5.670.000	2.835.000	1.417.500
	- *Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng*				5.670.000		
	BH Hỗ Trợ Viện Phí *(1)*	500.000	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	1.125.000	590.600	309.400
	BH Tai Nạn Cao Cấp	500.000.000	15	5	2.840.000	1.491.000	781.000
	BH Bệnh Hiểm Nghèo Cao Cấp Toàn Diện	500.000.000	5	5	1.570.000	824.300	431.800
	Tổng cộng				**244.985.000**	**128.475.400**	**67.229.200**

Ghi chú:

- *Phí bảo hiểm trên đây được tính toán trên giả định cho người có sức khỏe bình thường. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên thông tin sức khỏe do BMBH/NĐBH cung cấp, lịch sử khám, chữa bệnh của BMBH/NĐBH, các đặc điểm khác hoặc kết quả thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam.*
- *Nhóm nghề nghiệp trên đây có thể được điều chỉnh theo quyết định thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam.*
- *Phí bảo hiểm theo định kỳ Nửa năm, Quý được tính dựa trên hệ số điều chỉnh phí của định kỳ đóng phí tương ứng, áp dụng tại thời điểm hiện tại. Hệ số này có thể thay đổi tùy theo quyết định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.*
- *Sản phẩm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện được phê duyệt theo công văn số 7601/BTC-QLBH ngày 09/06/2014 và công văn số 13375/BTC-QLBH ngày 23/09/2014, công văn số 4616/BTC-QLBH ngày 20/04/2018, công văn số 623/BTC-QLBH ngày 16/01/2020 và công văn số 11277/BTC-QLBH ngày 01/11/2022 của Bộ Tài chính.*

(1) Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm cho đến khi (i) sản phẩm này chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này hoặc (ii) kết thúc thời hạn đóng phí của sản phẩm chính (tùy ngày nào đến trước). Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng theo Tuổi bảo hiểm của Người được bảo hiểm.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7

Bảo vệ sức khỏe cho bạn và gia đình trên toàn thế giới

- **Chi phí hợp lý, bảo vệ toàn cầu với 5 lựa chọn về Chương trình bảo hiểm.**
- **Chi trả lên đến 2 tỷ đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật.**
- **Chi trả chi phí Điều trị ung thư bao gồm cả liệu pháp miễn dịch và trúng đích.**
- **Chi trả chi phí Tiền phòng và Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt lên đến 100 ngày/năm cho mỗi Bệnh/Thương tật.**

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÔNG TIN

Trang thông tin sản phẩm (bao gồm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)

Danh sách cơ sở y tế bảo lãnh viện phí tại Việt Nam và nước ngoài

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

HỌ VÀ TÊN	TUỔI THAM GIA BẢO HIỂM	CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	THỜI HẠN BẢO HIỂM	PHÍ BẢO HIỂM
NGUYỄN VĂN A	**30**	Quyền lợi Điều trị nội trú Thịnh Vượng	Gia hạn hàng năm đến hết thời hạn Hợp đồng bảo hiểm, tối đa đến 45 tuổi	**5.670.000 đồng**
Tổng phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 trong Hợp đồng bảo hiểm:				**5.670.000 đồng**

PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tổng phí bảo hiểm
1	5.670
2	6.110
3	6.110
4	6.110
5	6.110
6	6.110
7	6.580
8	6.580
9	6.580
10	6.580
11	6.580
12	7.040
13	7.040
14	7.040
15	7.040

Ghi chú:

Tổng phí bảo hiểm là tổng phí bảo hiểm Sản phẩm BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 của tất cả NĐBH, bao gồm Quyền lợi Điều trị nội trú, Quyền lợi Điều trị ngoại trú và Quyền lợi Chăm sóc răng (nếu Khách hàng có chọn lựa tham gia thêm).

BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU 24/7

Chi trả chi phí y tế của NĐBH. Chi tiết quyền lợi bảo hiểm tương ứng theo Chương trình bảo hiểm.

Đơn vị tính: đồng

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	CƠ BẢN	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
Quyền lợi tối đa một Bệnh/Thương tật (áp dụng cho Quyền lợi Điều trị nội trú và Quyền lợi Điều trị ngoại trú)	**150.000.000**	**300.000.000**	**600.000.000**	**1.000.000.000**	**2.000.000.000**
	trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này				

A. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	MỨC GIỚI HẠN PHỤ				
	CƠ BẢN	PHỔ THÔNG	ĐẶC BIỆT	CAO CẤP	THỊNH VƯỢNG
Phạm vi địa lý	Toàn cầu				
Đồng chi trả	**30%** hoặc **20%** hoặc **0%** được ghi trên giấy Chứng nhận bảo hiểm				
1. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ					
1.1. Chi phí Phẫu thuật nội trú					
a. Mỗi cuộc Phẫu thuật cho mỗi Bệnh/Thương tật	12.500.000	25.000.000	50.000.000	75.000.000	125.000.000
b. Mỗi Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	25.000.000	50.000.000	100.000.000	150.000.000	250.000.000
1.2. Tiền phòng/Ngày nằm viện	750.000	1.500.000	2.500.000	3.000.000	6.000.000
	Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật				
1.3. Tiền phòng Chăm sóc đặc biệt (ICU)/Ngày nằm viện	1.050.000	2.100.000	3.150.000	5.250.000	Chi phí y tế thực tế
	Tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật				
1.4. Tiền giường cho người thân/Ngày nằm viện *(khi chăm sóc Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi)*	250.000	500.000	750.000	1.000.000	1.250.000
	Tối đa 10 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật				
1.5. Chi phí Điều dưỡng tại nhà/ngày	125.000	250.000	350.000	500.000	750.000
	Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật				
1.6. Chi phí Vật lý trị liệu/Năm hợp đồng	1.000.000	2.000.000	4.000.000	6.000.000	10.000.000
1.7. Chi phí Điều trị nội trú khác/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	10.000.000	20.000.000	40.000.000	60.000.000	100.000.000

A. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ	**MỨC GIỚI HẠN PHỤ**				
	CƠ BẢN	**PHỔ THÔNG**	**ĐẶC BIỆT**	**CAO CẤP**	**THỊNH VƯỢNG**
2. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ, ĐIỀU TRỊ TRONG NGÀY VÀ ĐIỀU TRỊ CẤP CỨU					
2.1. Phẫu thuật ngoại trú/Phẫu thuật trong ngày/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	2.500.000	5.000.000	10.000.000	15.000.000	25.000.000
2.2. Chạy thận nhân tạo/Năm hợp đồng	Không áp dụng	5.000.000	10.000.000	15.000.000	25.000.000
2.3. Cấp cứu do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật	1.050.000	2.100.000	5.250.000	10.500.000	15.000.000
2.4. Tổn thương răng do Tai nạn/Năm hợp đồng cho mỗi Thương tật	1.500.000	3.000.000	5.000.000	7.500.000	10.000.000
2.5. Chi phí xe cấp cứu/Năm hợp đồng cho mỗi Bệnh/Thương tật	1.500.000	3.000.000	5.000.000	Chi phí y tế thực tế	
3. ĐIỀU TRỊ ĐẶC BIỆT *(bao gồm Điều trị nội trú, Điều trị ngoại trú, Điều trị trong ngày)*					
3.1. Điều trị ung thư					
a. Chi phí điều trị hóa trị (tiêm và truyền) và xạ trị	Chi phí y tế thực tế				
b. Chi phí điều trị liệu pháp miễn dịch (tiêm và truyền) và trúng đích (tiêm và truyền)/Năm hợp đồng	10.000.000	20.000.000	40.000.000	60.000.000	100.000.000
c. Chi phí Điều trị nội trú	Theo Mức giới hạn phụ của mục **1. Điều trị nội trú**				
3.2. Cấy ghép bộ phận cho Người được bảo hiểm (người nhận bộ phận) và người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm/cho mỗi bộ phận được cấy ghép, bao gồm: thận, tim, gan và tủy xương trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này	75.000.000	150.000.000	300.000.000	500.000.000	1.000.000.000
	Chi phí y tế của người hiến bộ phận cho Người được bảo hiểm không được vượt quá 50% giới hạn của quyền lợi này.				
3.3. Điều trị Tình trạng bẩm sinh/di truyền trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này	Không áp dụng	15.000.000	25.000.000	35.000.000	55.000.000
3.4. Điều trị Biến chứng thai sản/lần mang thai	Không áp dụng	15.000.000	25.000.000	35.000.000	55.000.000

QUYỀN LỢI LỰA CHỌN THÊM: *(tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm)*

B. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ	**MỨC GIỚI HẠN PHỤ**				
	CƠ BẢN	**PHỔ THÔNG**	**ĐẶC BIỆT**	**CAO CẤP**	**THỊNH VƯỢNG**
Phạm vi địa lý	Không áp dụng	Việt Nam			
Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng		**5.000.000**	**10.000.000**	**15.000.000**	**25.000.000**
1. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học hiện đại/Lần khám		1.000.000	2.000.000	4.000.000	6.500.000
2. Chi phí Điều trị ngoại trú theo Y học thay thế/Năm hợp đồng		1.500.000	2.500.000	4.000.000	6.500.000

C. QUYỀN LỢI CHĂM SÓC RĂNG	**MỨC GIỚI HẠN PHỤ**				
	CƠ BẢN	**PHỔ THÔNG**	**ĐẶC BIỆT**	**CAO CẤP**	**THỊNH VƯỢNG**
Phạm vi địa lý	Không áp dụng			Việt Nam	
Quyền lợi tối đa mỗi Năm hợp đồng				**10.500.000**	**17.500.000**
1. Chi phí cạo vôi răng/Năm hợp đồng				1.000.000	1.500.000
2. Chi phí Điều trị nha khoa khác (không bao gồm chi phí cầu răng, implant, răng giả tháo lắp, flipper, trám răng bằng vàng và kim loại quý)				Chi phí y tế thực tế	

Lưu ý: Thời gian chờ là thời gian mà các sự kiện bảo hiểm của Quyền lợi Điều trị nội trú và/hoặc Quyền lợi Điều trị ngoại trú và/hoặc Quyền lợi Chăm sóc răng do Bệnh xảy ra không được chi trả (trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa Dai-ichi Life Việt Nam và Bên mua bảo hiểm). Thời gian chờ này được áp dụng như sau:

(i) 30 (ba mươi) ngày tính từ ngày bắt đầu Thời hạn bảo hiểm; hoặc 10 (mười) ngày tính từ ngày Dai-ichi Life Việt Nam chấp nhận khôi phục hiệu lực gần nhất của sản phẩm bảo hiểm này; tùy vào sự kiện nào diễn ra trễ hơn.

(ii) 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày bắt đầu Thời hạn bảo hiểm của Năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bảo hiểm này cho những Bệnh đặc biệt.

Ghi chú: Sản phẩm bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 được phê chuẩn theo Công văn số 10322/BTC-QLBH ngày 27/09/2024 của Bộ Tài chính. Đồng thời, Quy tắc và Điều khoản sản phẩm này được ban hành theo Quyết định số 595/GD/Dai-ichi/2024 ngày 03/10/2024 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam. Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7 được công khai tại địa chỉ website https://dai-ichi-life.com.vn hoặc Quy tắc và Điều khoản bảo hiểm được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

PHÍ BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM HÀNG NĂM

LỰA CHỌN 1: THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẰNG THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	**Phí bảo hiểm của sản phẩm chính** (1)	**Các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí thay đổi hàng năm**			**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ khác** (3)	**Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm** (4) = (1) + (2) + (3)
		BH Hỗ Trợ Viện Phí	BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí thay đổi hàng năm** (2)		
1	96.600	1.125	5.670	6.795	3.570	106.965
2	96.600	1.125	6.110	7.235	3.570	107.405
3	96.600	1.125	6.110	7.235	3.570	107.405
4	96.600	1.125	6.110	7.235	3.570	107.405
5	96.600	1.125	6.110	7.235	3.570	107.405
6	96.600	1.125	6.110	7.235	3.570	107.405
7	96.600	1.125	6.580	7.705	3.570	107.875
8	96.600	1.125	6.580	7.705	3.570	107.875
9	96.600	1.125	6.580	7.705	3.570	107.875
10	96.600	1.125	6.580	7.705	3.570	107.875
11	96.600	1.125	6.580	7.705	3.570	107.875
12	96.600	1.450	7.040	8.490	3.570	108.660
13	96.600	1.450	7.040	8.490	3.570	108.660
14	96.600	1.450	7.040	8.490	3.570	108.660
15	96.600	1.450	7.040	8.490	3.570	108.660

PHÍ BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM HÀNG NĂM

LỰA CHỌN 2: THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN (BẰNG 2/3 THỜI HẠN HỢP ĐỒNG)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	**Phí bảo hiểm của sản phẩm chính** (1)	**Các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí thay đổi hàng năm**			**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ khác** (3)	**Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm** (4) = (1) + (2) + (3)
		BH Hỗ Trợ Viện Phí	BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí thay đổi hàng năm** (2)		
1	129.440	1.125	5.670	6.795	3.650	139.885
2	129.440	1.125	6.110	7.235	3.650	140.325
3	129.440	1.125	6.110	7.235	3.650	140.325
4	129.440	1.125	6.110	7.235	3.650	140.325
5	129.440	1.125	6.110	7.235	3.650	140.325
6	129.440	1.125	6.110	7.235	3.650	140.325
7	129.440	1.125	6.580	7.705	3.650	140.795
8	129.440	1.125	6.580	7.705	3.650	140.795
9	129.440	1.125	6.580	7.705	3.650	140.795
10	129.440	1.125	6.580	7.705	3.650	140.795

PHÍ BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM HÀNG NĂM

LỰA CHỌN 3: THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN (BẰNG 1/3 THỜI HẠN HỢP ĐỒNG)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	**Phí bảo hiểm của sản phẩm chính** (1)	**Các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí thay đổi hàng năm**			**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ khác** (3)	**Tổng Phí bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm** (4) = (1) + (2) + (3)
		BH Hỗ Trợ Viện Phí	BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	**Tổng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ có phí thay đổi hàng năm** (2)		
1	233.780	1.125	5.670	6.795	4.410	244.985
2	233.780	1.125	6.110	7.235	4.410	245.425
3	233.780	1.125	6.110	7.235	4.410	245.425
4	233.780	1.125	6.110	7.235	4.410	245.425
5	233.780	1.125	6.110	7.235	4.410	245.425

Ghi chú:

- *Số tiền thể hiện ở trên là tổng Phí bảo hiểm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng sản phẩm bổ sung/bổ trợ.*
- *Số tiền thể hiện ở cột **"BH Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7"** bao gồm Quyền lợi Điều trị nội trú, Quyền lợi Điều trị ngoại trú và Quyền lợi Chăm sóc răng (nếu Khách hàng có chọn lựa tham gia thêm).*

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

STBH: Số tiền bảo hiểm NĐBH: Người được bảo hiểm QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM *(Quyền lợi được đảm bảo)*	**SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI**	**QUYỀN LỢI**
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong.	Nhận giá trị lớn nhất của một trong ba khoản: STBH cộng với Khoản giá trị chênh lệch chia thêm hoặc Giá trị hoàn lại hoặc Tổng phí bảo hiểm đã đóng cho sản phẩm này, trừ đi các Khoản nợ (nếu có)
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước hoặc vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi đạt tuổi 65	Nhận giá trị lớn nhất của một trong ba khoản: STBH cộng với Khoản giá trị chênh lệch chia thêm hoặc Giá trị hoàn lại hoặc Tổng phí bảo hiểm đã đóng cho sản phẩm này, trừ đi các Khoản nợ (nếu có)
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH Tử vong. *Điều kiện:* ● *Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày Hợp đồng bảo hiểm được chấp thuận khôi phục gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; và* ● *Nguyên nhân tử vong không nằm trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm*	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng.
QUYỀN LỢI KHÁC *(Quyền lợi được đảm bảo)*		
Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Vào Ngày kỷ niệm hợp đồng của mỗi 3 năm hợp đồng	Nhận một Khoản tiền mặt định kỳ. Quyền lợi tiền mặt định kỳ này sẽ được tính theo tỷ lệ % trên tổng Phí bảo hiểm chuẩn của 3 (ba) năm hợp đồng gần nhất theo hợp đồng có thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng.
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm	Nhận Giá trị hợp đồng sau khi trừ đi các khoản nợ (nếu có).

Ghi chú: Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm được công khai tại địa chỉ website https://dai-ichi-life.com.vn/ hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm NĐBH: Người được bảo hiểm QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM ĐƯỢC ĐẢM BẢO	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	**QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn**	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
BẢO HIỂM BỆNH HIỂM NGHÈO CAO CẤP TOÀN DIỆN	**QLBH Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ**	Nhận 50% STBH khi mắc 1 trong 35 Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ. Quyền lợi bảo hiểm này sẽ được chi trả cho hai (02) Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ thuộc các nhóm bệnh khác nhau.
	QLBH Bệnh hiểm nghèo nghiêm trọng	Nhận 100% STBH khi mắc 1 trong 53 bệnh hiểm nghèo nghiêm trọng. Khấu trừ quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ trong cùng nhóm bệnh đã được chi trả trước đó (nếu có).

BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	**QLBH Hỗ trợ viện phí**	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/đợt nằm viện và 50 ngày/Năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/Năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/đợt nằm viện, 5 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.	

Ghi chú: Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm được công khai tại địa chỉ website https://dai-ichi-life.com.vn/ hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm đã tham gia. Khách hàng vui lòng tham khảo thông tin tóm tắt Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Tài liệu giới thiệu sản phẩm và tham khảo nội dung chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm:

SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN	
• Điều khoản loại trừ bảo hiểm	Tham khảo tại Điều 14 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ SUNG/BỔ TRỢ	
• Bảo hiểm Tai Nạn Cao Cấp	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Chăm Sóc Sức Khỏe Toàn Cầu 24/7	Tham khảo tại Điều 2 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Hỗ Trợ Viện Phí	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Bệnh Hiểm Nghèo Cao Cấp Toàn Diện	Tham khảo tại Điều 4 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website https://dai-ichi-life.com.vn/ hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

LỰA CHỌN 1: THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẰNG THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Bảng minh họa Quyền lợi bảo hiểm (Sản phẩm chính) *(1)*

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Các giá trị đảm bảo				Các giá trị ước tính			Quyền lợi tiền mặt định kỳ đảm bảo	Tiền lãi nếu Quyền lợi tiền mặt định kỳ để lại công ty *(4)*	Tổng Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy *(5)*
		Tổng phí bảo hiểm đã đóng *(2)*	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 3%/năm cho 5 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm, 2%/năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 1%/năm cho những năm còn lại			Giá trị minh họa tại mức lãi suất 4,6%/năm (*)					
			Quyền lợi Tử vong	Giá trị hợp đồng	Giá trị hoàn lại *(3)*	Quyền lợi Tử vong	Giá trị hợp đồng	Giá trị hoàn lại *(3)*			
1	30	96.600	2.000.000	46.277		2.000.000	47.021				
2	31	193.200	2.000.000	103.896		2.000.000	106.316				
3	32	289.800	2.000.000	173.188	34.638	2.001.051	178.441	35.688	14.490		14.490
4	33	386.400	2.000.000	249.534	74.860	2.002.823	258.944	77.683		507	14.997
5	34	483.000	2.000.000	333.140	133.256	2.006.027	348.207	139.283		1.032	15.522
6	35	579.600	2.000.000	420.083	210.042	2.013.277	446.637	223.319	14.490	1.575	30.555
7	36	676.200	2.000.000	513.670	308.202	2.024.593	554.658	332.795		2.645	31.625
8	37	772.800	2.000.000	614.049	429.834	2.041.084	672.740	470.918		3.752	32.732
9	38	869.400	2.000.000	716.442	573.154	2.063.906	796.324	637.059	28.980	4.897	62.857
10	39	966.000	2.000.000	820.900	656.720	2.083.834	925.692	740.554		7.097	65.057
11	40	1.062.600	2.000.000	918.361	734.689	2.114.237	1.061.158	848.926		9.374	67.334
12	41	1.159.200	2.000.000	1.016.839	813.471	2.148.987	1.203.073	962.458	28.980	11.731	98.671
13	42	1.255.800	2.000.000	1.116.383	893.107	2.188.351	1.351.822	1.081.458		15.185	102.125
14	43	1.352.400	2.000.000	1.217.043	973.634	2.232.621	1.507.819	1.206.255		18.759	105.699
15	44	1.449.000	2.000.000	1.318.884	1.055.108	2.282.110	1.671.522	1.337.218	43.470	22.458	152.868
Đáo hạn		**1.449.000**		**1.318.884**			**1.671.522**		**130.410**	**22.458**	**152.868**

Ghi chú:

(1) Bảng minh họa này dựa trên giả định:

- Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ hàng năm; Quyền lợi Tử vong, Quyền lợi tiền mặt định kỳ, Giá trị hợp đồng và Giá trị hoàn lại minh họa có thể sẽ khác đối với những định kỳ đóng phí khác.

(2) Tổng phí bảo hiểm đã đóng là tổng phí bảo hiểm đóng theo định kỳ phí năm và không bao gồm phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung/bổ trợ.

(3) Giá trị hoàn lại là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại được minh họa với mức lãi suất cam kết chỉ được đảm bảo vào cuối mỗi Năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại không bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ phát sinh. Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về Giá trị hoàn lại trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Giá trị hoàn lại bằng Giá trị hợp đồng trừ đi Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn. Khách hàng vui lòng tham khảo Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn tại Phụ lục Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

(4) Các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ nếu để lại Công ty sẽ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định tại từng thời điểm (tạm tính tại Tài liệu minh họa bán hàng này là 3,5%/năm).

(5) Tổng quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy ước tính nêu trên dựa trên giả thiết các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ được để lại Dai-ichi Life Việt Nam đến thời điểm đáo hạn.

(*) Lãi suất thực tế sẽ được công bố vào mỗi đầu tháng dương lịch tại trang thông tin điện tử chính thức của Dai-ichi Life Việt Nam

AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

LỰA CHỌN 2: THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN (BẰNG 2/3 THỜI HẠN HỢP ĐỒNG)

Bảng minh họa Quyền lợi bảo hiểm (Sản phẩm chính) *(1)*

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Các giá trị đảm bảo				Các giá trị ước tính			Quyền lợi tiền mặt định kỳ đảm bảo *(4a)*	Tiền lãi nếu Quyền lợi tiền mặt định kỳ để lại công ty *(4b)*	Tổng Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy *(5)*
		Tổng phí bảo hiểm đã đóng *(2)*	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 3%/năm cho 5 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm, 2%/năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 1%/năm cho những năm còn lại			Giá trị minh họa tại mức lãi suất 4,6%/năm (*)					
			Quyền lợi Tử vong	Giá trị hợp đồng	Giá trị hoàn lại *(3)*	Quyền lợi Tử vong	Giá trị hợp đồng	Giá trị hoàn lại *(3)*			
1	30	129.440	2.000.000	76.575		2.000.000	77.790				
2	31	258.880	2.000.000	168.847		2.000.000	172.769				
3	32	388.320	2.000.000	277.292	55.459	2.001.689	285.737	57.147	14.490		14.490
4	33	517.760	2.000.000	395.748	118.724	2.004.508	410.774	123.232		507	14.997
5	34	647.200	2.000.000	531.203	212.481	2.009.612	555.234	222.094		1.032	15.522
6	35	776.640	2.000.000	664.313	332.156	2.021.088	706.488	353.244	14.490	1.575	30.555
7	36	906.080	2.000.000	800.196	480.118	2.038.802	864.866	518.920		2.645	31.625
8	37	1.035.520	2.000.000	938.935	657.255	2.064.264	1.030.742	721.519		3.752	32.732
9	38	1.164.960	2.000.000	1.080.623	864.499	2.099.116	1.204.519	963.615	28.980	4.897	62.857
10	39	1.294.400	2.000.000	1.225.358	980.286	2.129.019	1.386.632	1.109.305		7.097	65.057
11	40		2.000.000	1.235.172	1.111.655	2.192.019	1.448.527	1.303.674		9.374	67.334
12	41		2.000.000	1.244.909	1.120.418	2.241.578	1.513.329	1.361.996	28.980	11.731	98.671
13	42		2.000.000	1.254.558	1.129.102	2.293.985	1.581.208	1.423.087		15.185	102.125
14	43		2.000.000	1.264.101	1.137.691	2.349.421	1.652.347	1.487.112		18.759	105.699
15	44		2.000.000	1.273.528	1.146.175	2.408.078	1.726.948	1.554.253	43.470	22.458	152.868
Đáo hạn		**1.294.400**		**1.273.528**			**1.726.948**		**130.410**	**22.458**	**152.868**

Ghi chú:

(1) Bảng minh họa này dựa trên giả định:

- Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ hàng năm; Quyền lợi Tử vong, Quyền lợi tiền mặt định kỳ, Giá trị hợp đồng và Giá trị hoàn lại minh họa có thể sẽ khác đối với những định kỳ đóng phí khác.

(2) Tổng phí bảo hiểm đã đóng là tổng phí bảo hiểm đóng theo định kỳ phí năm, thời hạn đóng phí bằng 2/3 thời hạn hợp đồng; và không bao gồm sản phẩm bổ sung/bổ trợ.

(3) Giá trị hoàn lại là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại được minh họa với mức lãi suất cam kết chỉ được đảm bảo vào cuối mỗi Năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại không bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ phát sinh. Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về Giá trị hoàn lại trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Giá trị hoàn lại bằng Giá trị hợp đồng trừ đi Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn. Khách hàng vui lòng tham khảo Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn tại Phụ lục Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

(4a) Quyền lợi tiền mặt của thời hạn đóng phí ngắn hạn có thời hạn chi trả và giá trị tương đương giá trị của quyền lợi tiền mặt định kỳ của thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng.

(4b) Các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ nếu để lại Công ty sẽ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định tại từng thời điểm (tạm tính là 3,5%/năm).

(5) Tổng quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy ước tính nêu trên dựa trên giả thiết các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ được để lại Dai-ichi Life Việt Nam đến thời điểm đáo hạn.

(*) Lãi suất thực tế sẽ được công bố vào mỗi đầu tháng dương lịch tại trang thông tin điện tử chính thức của Dai-ichi Life Việt Nam

AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

LỰA CHỌN 3: THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN (BẰNG 1/3 THỜI HẠN HỢP ĐỒNG)

Bảng minh họa Quyền lợi bảo hiểm (Sản phẩm chính) *(1)*

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Các giá trị đảm bảo				Các giá trị ước tính			Quyền lợi tiền mặt định kỳ đảm bảo *(4a)*	Tiền lãi nếu Quyền lợi tiền mặt định kỳ để lại công ty *(4b)*	Tổng Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy *(5)*
		Tổng phí bảo hiểm đã đóng *(2)*	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 3%/năm cho 5 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm, 2%/năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 1%/năm cho những năm còn lại			Giá trị minh họa tại mức lãi suất 4,6%/năm (*)					
			Quyền lợi Tử vong	Giá trị hợp đồng	Giá trị hoàn lại *(3)*	Quyền lợi Tử vong	Giá trị hợp đồng	Giá trị hoàn lại *(3)*			
1	30	233.780	2.000.000	177.352		2.000.000	180.132				
2	31	467.560	2.000.000	372.322		2.000.000	381.045				
3	32	701.340	2.000.000	585.463	117.093	2.003.653	603.726	120.745	14.490		14.490
4	33	935.120	2.000.000	829.437	248.831	2.009.616	861.490	258.447		507	14.997
5	34	1.168.900	2.000.000	1.081.126	432.451	2.020.168	1.131.546	452.619		1.032	15.522
6	35		2.000.000	1.100.753	605.414	2.044.530	1.181.717	649.944	14.490	1.575	30.555
7	36		2.000.000	1.120.680	728.442	2.073.779	1.234.187	802.221		2.645	31.625
8	37		2.000.000	1.140.904	855.678	2.111.123	1.289.068	966.801		3.752	32.732
9	38		2.000.000	1.161.420	987.207	2.157.304	1.346.484	1.144.511	28.980	4.897	62.857
10	39		2.000.000	1.182.218	1.004.885	2.190.691	1.406.561	1.195.576		7.097	65.057
11	40		2.000.000	1.191.463	1.072.317	2.250.178	1.469.438	1.322.494		9.374	67.334
12	41		2.000.000	1.200.612	1.080.551	2.301.199	1.535.277	1.381.749	28.980	11.731	98.671
13	42		2.000.000	1.209.652	1.088.687	2.355.139	1.604.251	1.443.826		15.185	102.125
14	43		2.000.000	1.218.562	1.096.706	2.412.186	1.676.547	1.508.892		18.759	105.699
15	44		2.000.000	1.227.332	1.104.599	2.472.536	1.752.373	1.577.135	43.470	22.458	152.868
Đáo hạn		**1.168.900**		**1.227.332**			**1.752.373**		**130.410**	**22.458**	**152.868**

Ghi chú:

(1) Bảng minh họa này dựa trên giả định:

- Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ hàng năm; Quyền lợi Tử vong, Quyền lợi tiền mặt định kỳ, Giá trị hợp đồng và Giá trị hoàn lại minh họa có thể sẽ khác đối với những định kỳ đóng phí khác.

(2) Tổng phí bảo hiểm đã đóng là tổng phí bảo hiểm đóng theo định kỳ phí năm, thời hạn đóng phí bằng 1/3 thời hạn hợp đồng; và không bao gồm sản phẩm bổ sung/bổ trợ.

(3) Giá trị hoàn lại là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm đã có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại được minh họa với mức lãi suất cam kết chỉ được đảm bảo vào cuối mỗi Năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại không bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ phát sinh. Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về Giá trị hoàn lại trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Giá trị hoàn lại bằng Giá trị hợp đồng trừ đi Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn. Khách hàng vui lòng tham khảo Chi phí chấm dứt hợp đồng trước hạn tại Phụ lục Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

(4a) Quyền lợi tiền mặt của thời hạn đóng phí ngắn hạn có thời hạn chi trả và giá trị tương đương giá trị của quyền lợi tiền mặt định kỳ của thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng.

(4b) Các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ nếu để lại Công ty sẽ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định tại từng thời điểm (tạm tính là 3,5%/năm).

(5) Tổng quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy ước tính nêu trên dựa trên giả thiết các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ được để lại Dai-ichi Life Việt Nam đến thời điểm đáo hạn.

(*) Lãi suất thực tế sẽ được công bố vào mỗi đầu tháng dương lịch tại trang thông tin điện tử chính thức của Dai-ichi Life Việt Nam

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

Nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm/sản phẩm bảo hiểm. Theo đó, Dai-ichi Life Việt Nam không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào và hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng cho Bên mua bảo hiểm sau khi khấu trừ chi phí hợp lý.

Bằng việc ký vào Tài liệu minh họa bán hàng này/Phiếu xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, Bên mua bảo hiểm đồng ý rằng chi phí hợp lý bị trừ được xác định bằng tổng chi phí hợp lý của tất cả Năm hợp đồng kể từ Năm hợp đồng 1 cho đến thời điểm Dai-ichi Life Việt Nam hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm/sản phẩm bảo hiểm. Chi phí hợp lý của mỗi Năm hợp đồng được xác định dựa trên tỷ lệ % của Phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm đã đóng cho sản phẩm chính và tất cả sản phẩm bổ sung/bổ trợ (nếu có), cụ thể như sau:

Năm hợp đồng	**Lựa chọn đóng phí**	**1**	**2**	**Từ Năm hợp đồng thứ 3 trở đi**
% Phí bảo hiểm đã đóng tại từng Năm hợp đồng	Lựa chọn 1: Thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng	90%	10%	5%
	Lựa chọn 2: Thời hạn đóng phí bằng 2/3 thời hạn hợp đồng	60%	10%	5%
	Lựa chọn 3: Thời hạn đóng phí bằng 1/3 thời hạn hợp đồng	60%	10%	5%

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc và hiểu rõ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, cũng như các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này và tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với nội dung tại Tài liệu minh họa bán hàng đã nêu trên.

2 - Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích của mình, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn có thể dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.
- Hợp đồng bảo hiểm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện là một cam kết dài hạn. Bên mua bảo hiểm không nên chấm dứt/hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn vì có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.

3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.

4- Tôi tự nguyện và đồng ý tham gia (các) sản phẩm này.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu Xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Ngày ký: ____/____/_____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A

Ngày ký: ____/____/_____

Chữ ký: _____

Đại lý bảo hiểm: Trương Thị Thu Lụa

Mã số đại lý: 232508